

Số: 3195 /BC-SGDĐT

Điện Biên, ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Về quản lý thông tin BDTX cho GV và CBQL CSGDPT (Báo cáo TEMIS) của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên năm học 2020 - 2021

Căn cứ Công văn số 5016/BGDDĐT-GDTrH ngày 20/11/2020 của Bộ GDĐT về việc đẩy mạnh triển khai bồi dưỡng và xây dựng báo cáo quản lý thông tin về BDTX cho đội ngũ GV&CBQLCSGDPT theo hình thức trực tuyến;

Căn cứ Công văn số 3556/ BGDDĐT-NGCBQLGD ngày 20/8/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá G&CBQLCSGD mầm non, phổ thông theo chuẩn năm học học 2020 - 2021;

Thực hiện Công văn số 505/CV-Etep ngày 27/8/2021 của Ban Quản lý Chương trình Etep - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai xây dựng và công bố Báo cáo TEMIS. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo TEMIS năm 2021 như sau:

PHẦN A: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

A.1. Kết quả đánh giá và xếp loại giáo viên phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp

A.1.1. Kết quả GVPT hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số GVPT theo cấp học

- Tình hình chung: Tổng số giáo viên trên Hệ thống TEMIS 7854 người (giảm 5.56% so với năm 2020), trong đó: nữ: 4561 người, dân tộc thiểu số: 3378 người; nữ dân tộc thiểu số: 1488 người; vùng khó khăn: 6516 người; Số giáo viên đã hoàn thành đánh giá 7799 người (đạt tỷ lệ 99.3%).

- Cấp THPT là cấp học có tỷ lệ giáo viên hoàn thành đánh giá cao nhất đạt tỷ lệ 100% (1.174 người); cấp Tiểu học hoàn thành đánh giá đạt 99,9% (3.842 người); cấp THCS hoàn thành đánh giá đạt 99,9% (2.800 người).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.1.1)

A.1.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của GVPT theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức TỐT: 4115 người, đạt tỷ lệ 52.76% (tăng 32.83% so với năm 2020), trong đó: nữ: 2643 người, dân tộc thiểu số: 1525 người, nữ dân tộc thiểu số: 777 người, vùng khó khăn: 3293 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức KHÁ: 3180 người, đạt tỷ lệ 40.77% (giảm 30.96% so với năm 2020), trong đó: nữ: 1646 người, dân tộc thiểu số: 1545 người, nữ dân tộc thiểu số: 600 người, vùng khó khăn: 2739 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức ĐẠT: 276 người, chiếm tỷ lệ 3.54% (giảm 45.24% so với năm 2020), trong đó: nữ: 117 người, dân tộc thiểu số: 177 người, nữ dân tộc thiểu số: 53 người, vùng khó khăn: 252 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 228 người, chiếm tỷ lệ 2.92% (tăng 686.21% so với năm 2020), trong đó: nữ: 131 người, dân tộc thiểu số: 113 người, nữ dân tộc thiểu số: 49 người, vùng khó khăn: 195 người.

- Cấp Tiểu học có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT cao nhất (53.83%), cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (50.3%).

- Giáo viên cấp Tiểu học có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT cao nhất trong giáo viên các cấp (chiếm 4.19%), cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT thấp nhất (0.26%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.1.2)

A.2. Kết quả đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo chuẩn hiệu trưởng

A.2.1. Kết quả CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số CBQL theo cấp học

- Tổng số CBQL có trên Hệ thống TEMIS: 781 người (giảm 1.39% so với năm 2020), trong đó: Hiệu trưởng: 290 người (nữ: 90 người, dân tộc thiểu số: 37 người, nữ dân tộc thiểu số: 5 người, vùng khó khăn: 249 người); Phó Hiệu trưởng: 491 người (nữ: 219 người, dân tộc thiểu số: 116 người, nữ dân tộc thiểu số: 27 người, vùng khó khăn 417 người).

- Tổng số CBQL đã tham gia đánh giá: 773 người, đạt tỷ lệ 99% (tăng 6.92% so với năm 2020), trong đó: Hiệu trưởng: 286 người (nữ: 90 người, dân tộc thiểu số 37 người, nữ dân tộc thiểu số: 5 người, vùng khó khăn: 246 người); Phó Hiệu trưởng 487 người (nữ: 216 người, dân tộc thiểu số: 115 người, nữ dân tộc thiểu số: 26 người, vùng khó khăn: 415 người). Cấp THCS có tỷ lệ cao nhất, đạt 100% CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.2.1)

A.2.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung CBQL theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

- Tổng số CBQL đánh giá ở mức TỐT: 474 người, đạt tỷ lệ 61.32% (tăng 39.41% so với năm 2020); mức KHÁ: 291 người, đạt tỷ lệ 37.65% (giảm 21.14% so với năm 2020); mức ĐẠT: 8 người, đạt tỷ lệ 1.03% (giảm 42.86% so với năm 2020), không có CBQL bị đánh giá chưa đạt, trong đó:

+ Tổng số Hiệu trưởng đánh giá ở mức TỐT: 188 người, đạt tỷ lệ 65.73% (tăng 75.70% so với năm 2020), trong đó (nữ: 73 người, dân tộc thiểu số: 17 người, nữ dân tộc thiểu số: 5 người, vùng khó khăn: 158 người); mức KHÁ: 95

người, đạt tỷ lệ 33.22% (giảm 18.10% so với năm 2020), trong đó (nữ: 16 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 85 người); mức ĐẠT: 3 người, chiếm tỷ lệ 1.05% (giảm 57.14% so với năm 2020), trong đó (nữ: 01 người, dân tộc thiểu số: 0 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 03 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

+ Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức TỐT: 286 người, đạt tỷ lệ 58.73% (tăng 22.75% so với năm 2020), trong đó (nữ: 155 người, dân tộc thiểu số: 60 người, nữ dân tộc thiểu số: 19 người, vùng khó khăn: 233 người); mức KHÁ: 196 người, đạt tỷ lệ 40.25% (giảm 22.53% so với năm 2020), trong đó (nữ: 61 người, dân tộc thiểu số: 54 người, nữ dân tộc thiểu số: 07 người, vùng khó khăn: 178 người); mức ĐẠT: 5 người, chiếm tỷ lệ 1.05% (giảm 28.57% so với năm 2020), trong đó (nữ: 0 người, dân tộc thiểu số: 01 người, nữ dân tộc thiểu số: 0 người, vùng khó khăn: 04 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

- Cấp Tiểu học có tỷ lệ CBQL được đánh giá ở mức TỐT cao nhất (70.54%), cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (35.35%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.2.2)

PHẦN B: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN

B.1. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG về chương trình bồi dưỡng thường xuyên

B.1.1. Số lượng và tỷ lệ % GVPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số giáo viên

- Tổng số giáo viên tham gia học trực tuyến: 7176 người, trong đó: nữ: 4096 người, dân tộc thiểu số 3139 người, nữ dân tộc thiểu số: 1348 người, vùng khó khăn: 6000 người.

- Số giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 7157 người, đạt tỷ lệ 91.13%, trong đó: nữ: 4088 người, dân tộc thiểu số: 3127 người, nữ dân tộc thiểu số: 1344 người, vùng khó khăn: 5984 người.

- Điểm trung bình tổng tất cả các item là 3.30, trong đó số lượng và tỷ lệ % trả lời đạt 4/5 mục từ 3.0 trở lên (không có mục nào dưới 2.5): 6883, đạt tỷ lệ 96.17%.

- Cấp Tiểu học có tỉ lệ giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến cao nhất (đạt tỷ lệ 92.83%), cấp THPT có tỉ lệ giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến thấp nhất (đạt tỷ lệ 86.76%).

- Cấp Tiểu học có điểm trung bình tổng tất cả các item cao nhất (3.32), cấp THPT có điểm trung bình tổng tất cả các item thấp nhất (3,24).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B1.1)

B.1.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng

Item II. Sự sẵn có của chương trình bồi dưỡng trực tuyến có điểm trung bình hài lòng cao nhất (3,31), các Item I, III, IV, V có điểm trung bình hài lòng thấp hơn và đều bằng 3,30.

B.1.3. Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3,30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên là 6981, đạt tỷ lệ 97.54%, trong đó (nữ: 3989, đạt tỷ lệ 97.58%; dân tộc thiểu số: 3057, đạt tỷ lệ 97.76%; nữ dân tộc thiểu số: 1316, đạt tỷ lệ 97.92%; vùng khó khăn: 5844, đạt tỷ lệ 97.66%).

B.1.4. Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3,31. Tổng số điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên là 6999, đạt tỷ lệ 97.79%, trong đó (nữ: 4003, đạt tỷ lệ 97.92%; dân tộc thiểu số: 3060, đạt tỷ lệ 97.86%; nữ dân tộc thiểu số: 1319, đạt tỷ lệ 98.14%; vùng khó khăn: 5856, đạt tỷ lệ 97.86%).

B.1.5. Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp giáo viên

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV là 3,30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên là 7037, đạt tỷ lệ 98.32%, trong đó (nữ: 4020, đạt tỷ lệ 98.34%; dân tộc thiểu số: 3081, đạt tỷ lệ 98.53%; nữ dân tộc thiểu số: 1324, đạt tỷ lệ 98.51%; vùng khó khăn: 5887, đạt tỷ lệ 98.38%).

B.1.6. Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3,30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.0 trở lên là 7025, đạt tỷ lệ 98.16%, trong đó (nữ: 4015, đạt tỷ lệ 98.21%; dân tộc thiểu số: 3078, đạt tỷ lệ 98.43%; nữ dân tộc thiểu số: 11326, đạt tỷ lệ 98.66%; vùng khó khăn: 5878, đạt tỷ lệ 98.23%).

B.1.7. Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3,30. Tổng số điểm trung bình của tổng mục V từ 3.0 trở lên là 6989, đạt tỷ lệ 97.65%, trong đó (nữ: 3993, đạt tỷ lệ 97.68%; dân tộc thiểu số: 3063, đạt tỷ lệ 97.95%; nữ dân tộc thiểu số: 1316, đạt tỷ lệ 97.92%; vùng khó khăn: 5846, đạt tỷ lệ 97.69%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B1.2)

B.2. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của CBQLCSGDPT về chương trình bồi dưỡng thường xuyên

B.2.1. Số lượng CBQLCSGDPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số CBQLCSGDPT

- Tổng số CBQLCSGDPT tham gia học trực tuyến 766 người, trong đó: nữ: 305 người, dân tộc thiểu số: 150 người, nữ dân tộc thiểu số: 31 người, vùng khó khăn: 653 người.

- Số CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 761 người, đạt tỷ lệ 97.44% , trong đó nữ: 305 người, dân tộc thiểu số: 150 người, nữ dân tộc thiểu số: 31 người, vùng khó khăn: 650 người.

- Điểm trung bình tổng tất cả các item là 3,38, trong đó số lượng và tỉ lệ % trả lời đạt 4/5 mục từ 3.0 trở lên (không có mục nào dưới 2.5) là 738 người, đạt tỷ lệ 96.98%.

- Cấp THCS có tỉ lệ CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến cao nhất (đạt tỷ lệ 98.89%), cấp THPT có tỉ lệ CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến thấp nhất (đạt tỷ lệ 90.38%).

- Cấp Tiểu học có điểm trung bình tổng tất cả các item cao nhất (3,39), Cấp THCS có điểm trung bình tổng tất cả các item thấp nhất (3,35).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B2.1)

B.2.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng

Item II. Sự sẵn có của chương trình bồi dưỡng trực tuyến, Item III. Về sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT và Item IV. Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học có điểm trung bình hài lòng cao nhất (3,39); Item I. Hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến có điểm trung bình hài lòng thấp nhất (3,36).

B.2.3. Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3,36. Tổng số điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên là 742, đạt tỷ lệ 97.5%, trong đó (nữ: 298, đạt tỷ lệ 97.7%; dân tộc thiểu số: 147, đạt tỷ lệ 98%; nữ dân tộc thiểu số: 31, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 634, đạt tỷ lệ 97.54%).

B.2.4. Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3,39. Tổng số điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên là 741, đạt tỷ lệ 97.37%, trong đó (nữ: 297, đạt tỷ lệ 97.38%; dân tộc thiểu số: 146, đạt tỷ lệ 97.33%; nữ dân tộc thiểu số: 31, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 634, đạt tỷ lệ 97.54%).

B.2.5. Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp CBQLCSGDP

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp CBQLCSGDPT là 3,39. Điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên là 747, đạt tỷ lệ 98.16%, trong đó (nữ: 300, đạt tỷ lệ 98.36%; dân tộc thiểu số: 146, đạt tỷ lệ 98%; nữ dân tộc thiểu số: 31, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 638, đạt tỷ lệ 98.15%).

B.2.6. Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3.38. Tổng số điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.0 trở lên là 747, đạt tỷ lệ 98.16%, trong đó (nữ: 300, đạt tỷ lệ 98.36%; dân tộc thiểu số: 147, đạt tỷ lệ 98%; nữ dân tộc thiểu số: 31, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 638, đạt tỷ lệ 98.15%).

B.2.7. Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3,37. Tổng số điểm trung bình của tổng mục V từ 3.0 trở lên là 745, đạt tỷ lệ 97.9%, trong đó (nữ: 299, đạt tỷ lệ 98.03%; dân tộc thiểu số: 146, đạt tỷ lệ 97.33%; nữ dân tộc thiểu số: 31, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 636, đạt tỷ lệ 97.85%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B2.2)

PHẦN C: BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CỦA GV VÀ CBQLCSGDPT THEO CÁC TIÊU CHÍ TRONG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

C.1. Nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá theo chuẩn

C.1.1. Nhu cầu bồi dưỡng của GIÁO VIÊN

- Tổng số giáo viên được đánh giá và xếp loại: 7799 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

+ Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân: 421 người (đạt tỷ lệ 5.4%), trong đó: nữ 217 người, dân tộc thiểu số: 251 người, nữ dân tộc thiểu số: 91 người, vùng khó khăn: 378 người.

+ Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh: 171 người (đạt tỷ lệ 2.19%), trong đó: nữ 71 người, dân tộc thiểu số: 113 người, nữ dân tộc thiểu số: 32 người, vùng khó khăn: 156 người.

+ Tiêu chí 11. Tạo dựng môi quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan: 182 người (đạt tỷ lệ 2.33%), trong đó: nữ 87 người, dân tộc thiểu số: 98 người, nữ dân tộc thiểu số: 27 người, vùng khó khăn: 155 người.

+ Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc: 545 người (đạt tỷ lệ 6.99%), trong đó: nữ 325 người, dân tộc thiểu số: 193 người, nữ dân tộc thiểu số: 72 người, vùng khó khăn: 411 người.

+ Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: 287 người (đạt tỷ lệ 3.68%), trong đó: nữ 134 người, dân tộc thiểu số: 158 người, nữ dân tộc thiểu số: 45 người, vùng khó khăn: 240 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.1.1)

C.1.2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQLCSGDPT

- Tổng số CBQLCSGDPT được đánh giá và xếp loại 773 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

+ Tiêu chí 6. Quản trị nhân sự nhà trường: 37 người (đạt tỷ lệ 4.79%), trong đó: nữ 19 người, dân tộc thiểu số: 07 người, nữ dân tộc thiểu số: 03 người, vùng khó khăn: 34 người.

+ Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 33 người (đạt tỷ lệ 4.27%), trong đó: nữ 13 người, dân tộc thiểu số: 07 người, nữ dân tộc thiểu số: 02 người, vùng khó khăn: 29 người.

+ Tiêu chí 8. Quản trị tài chính nhà trường: 80 người (đạt tỷ lệ 10.35%), trong đó: nữ 33 người, dân tộc thiểu số: 21 người, nữ dân tộc thiểu số: 6 người, vùng khó khăn: 74 người.

+ Tiêu chí 9. Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường: 13 người (đạt tỷ lệ 1.68%), trong đó: nữ 04 người, dân tộc thiểu số: 02 người, nữ dân tộc thiểu số: 01 người, vùng khó khăn: 12 người.

+ Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ: 67 người (đạt tỷ lệ 8.67%), trong đó: nữ 20 người, dân tộc thiểu số: 14 người, nữ dân tộc thiểu số: 03 người, vùng khó khăn: 59 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.1.2)

C.2. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của giáo viên

C.2.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên

- Tổng số giáo viên đã tự đánh giá 7799 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Phát triển chuyên môn bản thân (1908 người, chiếm tỷ lệ 24.46%).

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (1395 người, chiếm tỷ lệ 17.89%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.1)

C.2.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng

+ Trong hè: Nhu cầu chung 1617 người (chiếm tỷ lệ 20.73%), trong đó: nữ: 966 người, dân tộc thiểu số: 658 người, nữ dân tộc thiểu số: 327 người, vùng khó khăn: 1330 người.

+ Trong học kỳ I: Nhu cầu chung 1084 người (chiếm tỷ lệ 13.9%), trong đó: nữ 574 người, dân tộc thiểu số: 393 người, nữ dân tộc thiểu số: 182 người, vùng khó khăn: 854 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.2)

C.2.3. Điều kiện thực hiện

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 2801 người, trong đó: nữ là 1701 người, dân tộc thiểu số là 1140 người, nữ dân tộc thiểu số là 521 người, vùng khó khăn là 2327 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.3)

C.3. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của CBQLCSGDPT

C.3.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của CBQLCSGDPT

- Tổng số CBQL CSGDPT đã tự đánh giá 773 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Sử dụng ngoại ngữ là 179 người (chiếm tỷ lệ 23.16%), trong đó: nữ: 94 người, dân tộc thiểu số: 28 người, nữ dân tộc thiểu số: 07 người, vùng khó khăn: 149 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.1)

C.3.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng

+ Trong hè: Nhu cầu chung 151 người (chiếm tỷ lệ 19.53%), trong đó: nữ 65 người, dân tộc thiểu số: 35 người, nữ dân tộc thiểu số: 06 người, vùng khó khăn: 128 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 143 người (chiếm tỷ lệ 18.5%), trong đó: nữ: 61 người, dân tộc thiểu số: 29 người, nữ dân tộc thiểu số: 04 người, vùng khó khăn: 112 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.2)

C.3.3. Điều kiện thực hiện

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 207 người (chiếm tỷ lệ 26.78%), trong đó: nữ: 100 người, dân tộc thiểu số: 47 người, nữ dân tộc thiểu số: 07 người, vùng khó khăn: 191 người.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.3)

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên đã triển khai tập huấn cho CBQL, giáo viên phụ trách TEMIS các đơn vị trực thuộc, các phòng Giáo dục và Đào tạo về hệ thống phần mềm, chỉ đạo thực hiện đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông trong toàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp hệ thống là Viettel Điện Biên trong quá trình triển khai thực hiện. Viettel Điện Biên tích cực hỗ trợ giáo viên trong việc rà soát, cấp tài khoản và cập nhật dữ liệu lên hệ thống.

Tỷ lệ hoàn thành cập nhật đánh giá chuẩn nghề nghiệp trên hệ thống cao. Có 10/10 Phòng Giáo dục và Đào tạo và 33/33 đơn vị trường trực thuộc Sở GDĐT hoàn thành đạt tỷ lệ 100%.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Dữ liệu về đánh giá xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trên Hệ thống thông tin quản lý đào tạo và bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) chưa liên thông với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai. Do vậy gây khó khăn, vất vả cho cơ sở trong quá trình nhập liệu.

3. Kiến nghị, đề xuất

Liên thông dữ liệu đánh giá xếp loại theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trên Hệ thống thông tin quản lý đào tạo và bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) với phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai.

Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống TEMIS để giáo viên, cán bộ quản lý thực hiện đánh giá thuận tiện, đồng thời để Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng hệ thống dữ liệu, xử lý số liệu thống kê phục vụ công tác cán bộ, công tác bồi dưỡng thường xuyên được thuận lợi và hiệu quả hơn. Hỗ trợ các Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm đếm minh chứng của giáo viên, cán bộ quản lý.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/cáo);
- Cục NGCBQLGD - Bộ GDĐT;
- BQL Chương trình ETEP - Bộ GDĐT;
- Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Đoạt